

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**
2. Mã chứng khoán: **VLA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 024.35121610 Fax: 024.35121611
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thuận
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1. Báo cáo tài chính Quý 4/2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được lập ngày 19 tháng 01 năm 2023 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022 so với Báo cáo tài chính cùng kỳ Quý 4 năm 2021

Nội dung giải trình:

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang Quý 4 năm 2022 là 0,707 tỷ đồng, giảm 8.503 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 4 năm 2021, do doanh thu đào tạo bị giảm

- Doanh thu Quý 4 năm 2022 là 7.097 tỷ đồng, giảm 5.364 tỷ đồng so với báo cáo cùng kỳ Quý 4 năm 2021 tương đương giảm 43%. Do Quý 4 năm 2022 tình hình kinh tế khó khăn nên có ít học viên tham gia các khóa học (doanh thu đào tạo : 6.847 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 96.47% tổng doanh thu)

- Giá vốn Quý 4 năm 2022 là 3.741 tỷ đồng tăng 1.974 tỷ đồng so với báo cáo cùng kỳ Quý 4 năm 2021 tương đương tăng 111,7%. Do quý 4 năm 2022 phát sinh nhiều chi phí liên quan đến các khóa học.

Tỷ lệ tăng của giá vốn báo cáo Quý 4 năm 2022 cao hơn so với báo cáo cùng kỳ Quý 4 năm 2021, doanh thu báo cáo Quý 4 năm 2022 có tỷ lệ giảm so với báo cáo cùng kỳ Quý 4 năm 2021. Vì vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2022 đạt lợi nhuận sau thuế là 0.707 tỷ đồng giảm 92.3% so với báo cáo cùng kỳ Quý 4 năm 2021 đạt lợi nhuận sau thuế là (9.210) tỷ đồng.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.vla.vn>Tài liệu>Dành cho cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố



Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Chuẩn



**CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOẢN HÀ NỘI**

(Đính kèm công văn số 105/SGDCKHN-QLNY ngày 43/10/2022

của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PT CN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN LANG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .04...../CSTI-VLA

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty (tên công ty) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC quý 4/2022

- BCTC quý 4/2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có

Không

2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có):

- Nội dung giao dịch:
- Đối tác giao dịch:
- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2022
TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2022 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN LANG**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Bảng cân đối kế toán Quý IV năm 2022	4 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV năm 2022.	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV năm 2022.	8 - 9
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV năm 2022.	10 - 37

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 đến ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xuất bản phần mềm.
- Hoạt động giáo dục khác chưa được phân vào đâu:
 - + Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian;
 - + Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;
 - + Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);
 - + Giáo dục dự bị;
 - + Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;
 - + Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;
 - + Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;
 - + Dạy đọc nhanh;
 - + Đào tạo về sự sống;
 - + Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;
 - + Dạy máy tính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2020
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2020
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2021
Ông Nguyễn Huy Bảo	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2021
Bà Khương Thị Phương Uyên	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2021

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2021
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Thuận - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2021) và ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2022).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 đến ngày 30 tháng 09 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thuận
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7,306,814,864	16,699,931,706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2,669,700,282	294,090,840
1. Tiền	111		2,669,700,282	294,090,840
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2,745,596	11,824,220,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5,297,034	11,824,220,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2,551,438)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,410,584,583	4,500,178,281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	586,893,200	940,714,600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	65,921,088	30,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2,000,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	1,926,270,295	3,652,363,681
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(168,500,000)	(122,900,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	34,000,000	-
1. Hàng tồn kho	141		34,000,000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189,784,403	81,442,585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	12,606,796	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		177,177,607	73,187,552
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	8,255,033
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18,907,456,130	8,560,291,482
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58,400,000	58,400,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8b	58,400,000	58,400,000
II. Tài sản cố định	220		841,256,130	5,753,065,002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		753,454,249	753,454,249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753,454,249)	(753,454,249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	841,256,130	5,753,065,002
- Nguyên giá	228		989,713,110	5,976,711,273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(148,456,980)	(223,646,271)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	18,007,800,000	2,741,090,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18,007,800,000	2,741,090,000

IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	7,736,480
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	-	7,736,480
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26,214,270,994	25,260,223,188



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2022
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết ết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		2,497,397,094	4,529,199,666
I. Nợ ngắn hạn	310		2,497,397,094	4,529,199,666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	278,616,240	415,821,154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	-	494,290,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1,202,475,944	1,337,666,726
4. Phải trả người lao động	314		345,654,048	536,537,860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	512,728,095	598,504,400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	58,959,448	145,670,540
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	1,000,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		98,963,319	708,986
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23,716,873,900	20,731,023,522
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	23,716,873,900	20,731,023,522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19,979,980,000	10,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19,979,980,000	10,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	174,697,520
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	3,151,046,342
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,736,893,900	6,605,279,660
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		97,687,096	937,458,357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,639,206,804	5,667,821,303
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26,214,270,994	25,260,223,188

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 4

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7,097,591,670	12,461,803,799	32,478,571,750	14,454,237,799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7,097,591,670	12,461,803,799	32,478,571,750	14,454,237,799
4. Giá vốn hàng bán	11		3,741,106,872	1,767,093,838	11,502,375,986	3,405,697,161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3,356,484,798	10,694,709,961	20,976,195,764	11,048,540,638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		86,593,898	8,179,035	4,309,827,485	87,603,762
7. Chi phí tài chính	22		241,255,436	2,877,000	4,157,792,214	2,877,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2,877,000	4,592,863	2,877,000
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		844,765,794	(834,431,700)	8,183,619,910	127,429,600
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,459,328,127	956,602,167	4,153,378,478	3,970,754,583
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		897,729,339	10,577,841,529	8,791,232,647	7,035,083,217
12. Thu nhập khác	31		1,166,887	1,200,000	13,416,617	1,200,000
13. Chi phí khác	32		11,840,726	31,562,407	4,210,492,233	31,562,407
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(10,673,839)	(30,362,407)	(4,197,075,616)	(30,362,407)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		887,055,500	10,547,479,122	4,594,157,031	7,004,720,810
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		180,044,638	1,336,899,507	954,950,227	1,336,899,507
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		707,010,862	9,210,579,615	3,639,206,804	5,667,821,303
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		353.86	8528.31	1764.69	5247.98
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Giám đốc

Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 4 năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,594,157,031	7,004,720,810
2. Điều chỉnh cho các khoản		260,393,102	114,333,849
- Khấu hao tài sản cố định	02	298,835,562	174,160,611
- Các khoản dự phòng	03	48,151,438	24,900,000
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(86,593,898)	(87,603,762)
- Chi phí lãi vay	06	-	2,877,000
- Các khoản điều chỉnh khác			
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4,854,550,133	7,119,054,659
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4,689,348,676	(2,293,115,390)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(34,000,000)	21,904,715
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(857,235,864)	1,961,098,047
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4,870,316)	21,157,640
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		11,818,922,966	(11,824,220,000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7,469,863)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,338,250,694)	(13,458,444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		113,356,426	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15,102,093)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19,219,249,371	(5,007,578,773)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(18,007,800,000)	(3,166,340,000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	468,000,000	
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8,000,000,000)	
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	6,000,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86,593,898	87,603,762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19,453,206,102)	2,921,263,762

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 4 năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1,000,000,000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,000,000,000)	
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	34	(540,000,000)	(540,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,540,000,000)	460,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1,773,956,731)	(1,626,315,011)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	294,090,840	1,920,405,851
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	(1,479,865,891)	294,090,840

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc

Giám đốc




Nguyễn Hữu Thuận

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ đào tạo và Sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho hàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Lập trình máy tính. Chi tiết: Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: buôn bán máy tính.
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Giáo dục không theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng; Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng marketing, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,...
- Kinh doanh giáo dục (Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng marketing, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,..).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 15 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 08 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước Công ty chủ yếu là Chi phí công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05 năm	03 – 05 năm

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Địa chỉ: Số 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	721,369	15,758,489
Tiền gửi ngân hàng	2,668,978,913	278,332,351
	2,669,700,282	294,090,840

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(Chi tiết xem phụ lục 1)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam	-	320,400,000
Công ty CP Phát triển Công nghệ Vsoft	250,000,000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	97,893,200	298,314,600
Các khách hàng khác	239,000,000	322,000,000
	586,893,200	940,714,600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	-	30,000,000
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc Gia	50,000,000	-
Google	15,921,088	-
Cộng	65,921,088	30,000,000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Bà Nguyễn Mai Lan	2,000,000,000	-	-	-
	2,000,000,000	-	-	-

(*) Cho vay theo Hợp đồng số 05/2022/HĐVV ngày 30/12/2022, số tiền vay 2 tỷ đồng, thời gian cho vay: 2 tháng; Lãi suất 8%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	1,926,270,295	-	3,652,363,681	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng (*)	1,921,270,295	-	3,644,963,681	-
Phải thu khác ngắn hạn	5,000,000	-	7,400,000	-
b. Dài hạn	58,400,000	-	58,400,000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	58,400,000	-	58,400,000	-
Cộng	1,984,670,295	-	3,710,763,681	-

(*) Chi tiết số dư tạm ứng:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nguyễn Hữu Thuận - tạm ứng kinh doanh	713,580,615	3,631,242,500
Nguyễn Thành Tiến - tạm ứng kinh doanh	207,723,680	-
Nguyễn Tùng Anh - tạm ứng Marketing	440,000,000	-
Hoàng Văn Toàn	-	-
Hoàng Trịnh Vĩnh An - tạm ứng Marketing	559,966,000	-
Các khách hàng khác	-	13,721,181
Cộng	1,921,270,295	3,644,963,681

Số dư bên liên quan:

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	207,723,680	-
Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc	713,580,615	3,631,242,500
Hoàng Thị Viết	Trưởng ban kiểm soát	-	2,500,000
Cộng		921,304,295	3,633,742,500

9. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33,000,000	16,500,000		
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33,000,000	16,500,000	33,000,000	9,900,000
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
Công ty cổ phần Sách Alpha	68,000,000	68,000,000	68,000,000	68,000,000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50,000,000	25,000,000	50,000,000	15,000,000
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25,000,000	12,500,000		
Cộng	239,000,000	168,500,000	181,000,000	122,900,000

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hoá	34,000,000	-	-	-
	34,000,000	-	-	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	753,454,249	753,454,249
Số dư cuối năm	753,454,249	753,454,249
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu năm	753,454,249	753,454,249
Số dư cuối năm	753,454,249	753,454,249
Giá trị còn lại		-
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 753.454.249 VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	5,976,711,273	5,976,711,273
Số giảm trong năm	(4,986,998,163)	(4,986,998,163)
- Do thanh lý tài sản	(4,986,998,163)	(4,986,998,163)
Số cuối năm	989,713,110	989,713,110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	223,646,271	223,646,271
Số tăng trong năm	298,835,562	298,835,562
- Khấu hao trong năm	298,835,562	298,835,562
Số giảm trong năm	(374,024,853)	(374,024,853)
- Do thanh lý tài sản	(374,024,853)	(374,024,853)
Số cuối năm	148,456,980	148,456,980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	5,753,065,002	5,753,065,002
Tại ngày cuối năm	841,256,130	841,256,130

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2022 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 0 VND.

13. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	-	
Quyền sử dụng đất tại Bắc Giang		2,741,090,000
Quyền sử dụng đất tại Quảng Ninh	18,007,800,000	
	18,007,800,000	2,741,090,000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	12,606,796	-
- Chi phí bảo hiểm		
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9,606,796	
- Chi phí khác	3,000,000	
b. Dài hạn		7,736,480
- Dịch vụ cloud server		7,736,480
	12,606,796	7,736,480

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	-	-	330,026,616	330,026,616
Công ty TNHH Hòn Kiến	56,249,640	56,249,640		
Nhữ Thị Thanh Huyền	35,480,000	35,480,000		-
Công ty TNHH Bến Phà	35,359,200	35,359,200		-
Công ty TNHH Đầu tư ẩm thực Sài Gòn New	28,438,000	28,438,000		-
Phải trả người bán khác	123,089,400	123,089,400	85,794,538	85,794,538
	278,616,240	278,616,240	415,821,154	415,821,154

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của CTHĐQT là người đại diện pháp luật	-	330,026,616

Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK cung cấp dịch vụ quản lý vận hành các khóa học và sách

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính giữa niên độ

1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

Quý 4 năm 2022

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Học viên nộp tiền tham gia các khóa học		451,390,000
Người mua trả tiền trước khác		42,900,000
Cộng	-	494,290,000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	-	3,034,726,390	3,034,726,390	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1,307,999,782	959,872,341	1,338,250,694	-	929,621,429
Thuế Thu nhập cá nhân	8,255,033	-	352,836,380	101,393,776	-	243,187,571
Các loại thuế khác	-	29,666,944	379,602,293	379,602,293	-	29,666,944
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1,446,899	1,446,899	-	-
Cộng	8,255,033	1,337,666,726	4,728,484,303	4,855,420,052	-	1,202,475,944

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn			
- Lãi vay		-	2,877,000
- Chi phí bản quyền bài giảng		512,728,095	520,584,000
- Thuê chuyên gia Chăm sóc phần mềm		-	25,043,400
- Khác			50,000,000
Cộng		512,728,095	598,504,400
Số dư bên liên quan			
Mối quan hệ		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	512,728,095	520,584,000
19. PHẢI TRẢ KHÁC			
		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
a. Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn		40,359,448	22,668,448
Bảo hiểm xã hội		-	6,134,592
Bảo hiểm y tế		-	1,102,500
Bảo hiểm thất nghiệp		-	245,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		18,600,000	115,520,000
<i>Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK (tiền sách thu hộ)</i>		-	106,220,000
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>		18,600,000	9,300,000
Cộng		58,959,448	145,670,540
Số dư bên liên quan			
Mối quan hệ		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của CTHĐQT là người đại diện pháp luật	-	106,220,000
Nguyễn Thành Tiến		3,000,000	
Nguyễn Hữu Thuận		2,400,000	
Nguyễn Văn Thọ		1,800,000	
Nguyễn Văn Đức		1,800,000	
Phạm Đăng Hoàng Huy		1,800,000	
Trần Quang Thịnh		1,800,000	
Cộng		12,600,000	106,220,000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	-	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000	-
Vay cá nhân	-	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000	-
Cao Thị Ngọc Hà	-	-		1,000,000,000	1,000,000,000	
Cộng	-	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000	-

Đơn vị tính: VND

Chi tiết hợp đồng vay:

- Khế ước vay vốn số 01/2021KUVV-VLA ngày 16/12/2021 và Phụ lục khế ước vay vốn số 01/2021/PLKUVV-VLA ngày 30/12/2021 với Bà Cao Thị Ngọc Hà
- + Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng
 - + Thời hạn vay: Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 30/3/2022
 - + Lãi suất: 7%/năm
 - + Mục đích vay tiền: Bổ sung vốn lưu động
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 0VND

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10,800,000,000	174,697,520	3,151,046,342	1,477,458,357	15,603,202,219
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5,667,821,303	5,667,821,303
- Cổ tức	-	-	-	(540,000,000)	(540,000,000)
Số dư cuối năm trước	10,800,000,000	174,697,520	3,151,046,342	6,605,279,660	20,731,023,522
Số dư đầu năm nay	10,800,000,000	174,697,520	3,151,046,342	6,605,279,660	20,731,023,522
- Lãi trong năm	-	-	-	3,639,206,805	3,639,206,805
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(540,000,000)	(540,000,000)
- Trích quỹ(*)	-	-	283,391,065	(396,747,491)	(113,356,426)
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại(*)	9,179,980,000	(174,697,520)	(3,434,437,407)	(5,570,845,073)	-
Số dư cuối năm	19,979,980,000	-	-	3,736,893,901	23,716,873,901

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2022/NQĐHĐCĐVL ngày 21/2/2022, trong đó: Chia cổ tức bằng tiền: 540.000.000 VND; Chia cổ tức từ nguồn thặng dư, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối: 9.179.980.000 VND.



b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
4,991,300,000	24.98%	2,698,000,000	24.98%
1,998,000,000	10.00%	1,080,000,000	10.00%
1,814,850,000	9.08%	981,000,000	9.08%
1,341,250,000	6.71%	725,000,000	6.71%
597,550,000	2.99%	500,000,000	4.63%
9,237,030,000	46.23%	4,816,000,000	44.59%
19,979,980,000	100.00%	10,800,000,000	100.00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
VND	VND
10,800,000,000	10,800,000,000

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp tăng trong năm

- Vốn góp giảm trong năm

- **Vốn góp cuối năm**

- Cổ tức, lợi nhuận:

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:

+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:*

- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:

+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:*

- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu

- **Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:**

31/12/2022	31/12/2022
19,979,980,000	19,979,980,000
-	-
10,800,000,000	10,800,000,000
9,179,980,000	9,179,980,000
-	-
540,000,000	540,000,000
540,000,000	540,000,000
540,000,000	540,000,000
540,000,000	540,000,000
540,000,000	540,000,000
540,000,000	540,000,000
-	-
10,800,000,000	10,800,000,000

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- *Cổ phiếu phổ thông*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- *Cổ phiếu phổ thông*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

31/12/2022	01/01/2022
VND	VND
-	3,151,046,342

- Quỹ đầu tư phát triển

1,080,000

1,080,000

1,080,000

1,080,000

1,080,000

1,080,000

-

-

540,000,000

540,000,000

540,000,000

540,000,000

540,000,000

10,800,000,000

-

10,800,000,000

-

VND

Quý 4 năm trước



22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Quý 4 năm nay	7,097,591,670
Quý 4 năm trước	12,461,803,799

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)
- Doanh thu hoạt động khác

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Quý 4 năm nay	7,097,591,670
Quý 4 năm trước	12,461,803,799

- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)
- Doanh thu hoạt động khác

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý 4 năm nay	3,741,106,872
Quý 4 năm trước	1,767,093,838

- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH

Quý 4 năm nay	86,593,898
Quý 4 năm trước	8,179,035

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay
- Lãi từ bán các khoản đầu tư

26. CHI PHÍ TẠI CHÍNH

Quý 4 năm nay	241,255,436
Quý 4 năm trước	2,877,000

- Lãi tiền vay
- Lộ do thanh lý các khoản đầu tư
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Quý 4 năm nay	844,765,794
Quý 4 năm trước	(834,431,700)

- Chi phí nhân công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
	VND	VND
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC	7,205,091	
- Chi phí nhân công	792,164,514	408,864,159
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14,976,000
- Chi phí dự phòng	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	514,670,291	179,164,026
- Chi phí khác bằng tiền	145,288,231	353,597,982
	1,459,328,127	956,602,167

29. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
	VND	VND
- Thanh lý tài sản cố định	-	
- Thu nhập khác	1,166,887	1,200,000
	1,166,887	1,200,000

30. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
	VND	VND
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, chậm nộp thuế, chậm nộp tờ khai thuế,...	11,830,205	5,829,616
- Góp vốn		
- Thanh lý tài sản cố định	-	
- Các khoản phạt		
- Khấu hao loại trừ		
- Chi phí các dự án đã kết thúc từ những năm trước		22,881,995
- Chi phí khác	10,521	2,850,796
	11,840,726	31,562,407

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	707,010,862	9,210,579,615
Các khoản điều chỉnh	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	707,010,862	9,210,579,615
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1,997,998	1,080,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	353.86	8,528.31

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,669,700,282		294,090,840	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2,571,563,495	168,500,000	4,651,478,281	122,900,000
Các khoản cho vay	2,000,000,000		-	
Đầu tư ngắn hạn	5,297,034	2,551,438	11,824,220,000	-
	7,246,560,811	171,051,438	16,769,789,121	122,900,000
Nợ phải trả tài chính			31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Vay và nợ			-	1,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác			337,575,688	561,491,694
Chi phí phải trả			512,728,095	598,504,400
			850,303,783	2,159,996,094

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,669,700,282			2,669,700,282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2,513,163,495	58,400,000		2,571,563,495
Các khoản cho vay		-		-
Đầu tư ngắn hạn	5,297,034			5,297,034
Đầu tư dài hạn				-
	5,188,160,811	58,400,000	-	5,246,560,811
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	294,090,840			294,090,840
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4,593,078,281	58,400,000		4,651,478,281
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	11,824,220,000			11,824,220,000
Đầu tư dài hạn				-
	16,711,389,121	58,400,000	-	16,769,789,121

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2022				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	337,575,688	-	-	337,575,688
Chi phí phải trả	512,728,095	-	-	512,728,095
	850,303,783	-	-	850,303,783
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022				
Vay và nợ	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	561,491,694	-	-	561,491,694
Chi phí phải trả	598,504,400	-	-	598,504,400
	2,159,996,094	-	-	2,159,996,094

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong 6 tháng đầu năm 2022 công ty có thực hiện tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại Hội cổ đông số 02/2022/NQĐHĐCĐVL ngày 21/2/2022, số tiền là: 9.179.980.000 VND. Do vậy, trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số tiền này không được phản ánh vào chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu".

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu				Đơn vị tính: VND	
	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	8,285,713	7,089,305,957	-	7,097,591,670	
Chi phí bộ phận	44,021,407	3,697,085,465		3,741,106,872	
Kết quả kinh doanh bộ phận	(35,735,694)	3,392,220,492	-	3,356,484,798	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				12,336,998,388	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(8,980,513,590)	
Doanh thu hoạt động tài chính				4,309,827,485	
Chi phí tài chính				4,157,792,214	
Thu nhập khác				13,416,617	
Chi phí khác				4,210,492,233	
Thuế TNDN hiện hành				954,950,227	
Lợi nhuận sau thuế				(13,980,504,162)	

36. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban kiểm soát
Công ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh & Đầu Tư Thực Tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của CTHĐQT là người đại diện pháp luật
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó giám đốc công ty
Bà Vũ Thị Hiền Nhung	Người quản lý công ty

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2022 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch HĐQT	6,000,000	1,354,784,255
Nguyễn Hữu Thuận - Phó chủ tịch HĐQT, GD công ty	4,800,000	284,533,750
Nguyễn Văn Thọ - Thư ký HĐQT	3,600,000	174,180,836
Trần Quang Thịnh - Thành viên HĐQT	3,600,000	
Phạm Đăng Hoàng Huy - Thành viên HĐQT	3,600,000	
Nguyễn Văn Đức - Thành Viên HĐQT	3,600,000	96,330,000
Nguyễn Thu Hà - Phó giám đốc		192,791,336
Vũ Thị Hiền Nhung - Người quản lý công ty		131,716,000
Hà Diệu Ngọc - Kế toán trưởng		137,397,114

- Giao dịch với bên liên quan**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Họ và tên	Năm nay
Nguyễn Thành Tiến	
Tạm ứng	29,200,000,000
Hoàn tạm ứng	28,992,276,320
Nguyễn Hữu Thuận	
Tạm ứng	26,511,305,264
Hoàn tạm ứng	29,428,967,149
Nguyễn Văn Đức	
Tạm ứng	8,046,401,500
Hoàn tạm ứng	8,046,401,500
Hoàng Thị Việt	
Hoàn tạm ứng	2,500,000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số 8, số 15, số 18, số 19

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh & Đầu Tư Thực Tế NIK Các thành viên chủ chốt của hai công ty có quan hệ mật thiết

Ông Đặng Trọng Khang Cổ đông lớn

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác như sau:

Công ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh & Đầu Tư Thực Tế NIK	Năm nay
Mua sách	264,244,912
Chi phí dịch vụ quản lý vận hành	2,521,048,886
Thanh toán tiền hàng	3,115,320,414

Đặng Trọng Khang

Chi phí bản quyền	1,952,190,000
Đã thanh toán	1,439,461,905
Số còn phải trả	512,728,095

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

37. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang hoạt động kinh doanh liên tục.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



Nguyễn Hữu Thuận